TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG** **&&&**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 9/02/2022
"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2/ Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2021, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2021/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 333/2021/QĐST-DS ngày 31/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-DS ngày 17/01/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Phạm Thị Thu H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 53, ấp X, thị trấn Y, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích H1 pháp của bà H: Luật sư Bạch Sỹ Chất – Trưởng Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ Chất, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* Bị đơn: Lý Thị H1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 172/2, ấp Hòa Lộc 2, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

* Người đại diện H1 pháp của bà Lý Thị H1: Trương Thị Mỹ Linh, sinh năm 1987, địa chỉ: số 03, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 3, tHnh phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 17/9/2021, chị Linh có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Võ Văn U, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 172/2, ấp N, xã M, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày: Ngày 01/02/2012 al (nhằm ngày 22/02/2012 dl), bà Lý Thị H1 làm chủ dây hụi tháng 5.000.000 đồng, bà có tham gia 02 chân trong dây hụi này. Đến tháng 4 và tháng 5/2013 bà hốt 02 chân hụi với tổng số tiền là 118.070.000 đồng (50.570.000 đ + 67.500.000 đ) nhưng bà H1 không giao tiền hụi cho bà mà làm 02 "Tờ hẹn nợ" hứa trong tháng 5/2013 sẽ trả nhưng đến hẹn bà H1 không trả theo thỏa thuận. Sự việc được Tổ hòa giải tiến Hnh hòa giải vào ngày 9/9/2013, bà H1 thừa nhận số tiền nợ hụi này nhưng lại hứa trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hòa giải sẽ trả đủ số tiền nợ hụi cho bà, tuy nhiên từ đó đến nay bà đã rất nhiều lần gặp trực tiếp và điện thoại cho bà H1 yêu cầu trả số tiền trên thì bà H1 cứ hẹn hoài mà không chịu trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Lý Thị H1, ông Võ Văn U phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà 118.070.000 đồng, tiền lãi chậm trả (9%/năm) kể từ ngày hòa giải là 09/9/2013 tạm tính đến ngày 09/6/2021 là 07 năm 09 tháng là: 118.000.000 đồng x 9%/năm x 7 năm 9 tháng = 82.353.825 đồng, tổng cộng 200.423.825 đồng và tiền lãi chậm trả tiếp theo kể từ ngày 09/6/2021 của số tiền gốc 118.070.000 đồng cho đến ngày xét xử xong vụ án.

- Tại văn bản trả lời ngày 20/9/2021, đại diện bị đơn là chị Trương Thị Mỹ Linh trình bày: Bà Lý Thị H1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà H1 không thừa nhận còn nợ nguyên đơn tiền hụi nêu trên, không đồng ý trả lãi, theo quy định của pháp luật thì thời hiệu khởi kiện đã hết, bà H1 yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

- Ông Võ Văn U đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu vắng mặt khi tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật, chấp nhận việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Ông Võ Văn U đã được Tòa án triệu tập H1 lệ, ông có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án xét căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông U.

[3] Bà Phạm Thị Thu H và bà Lý Thị H1 có chơi hụi với nhau, sau đó các bên kết toán nợ và thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng hiện nay phát sinh tranh chấp, bà H khởi kiện bà H1 yêu cầu trả lại tiền còn thiếu, các đương sự cùng cư trú tại huyện Kế Sách nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Theo các văn bản tố tụng trước đây, Tòa án xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" là chưa chính xác, Hội đồng xét xử xác định lại là "Tranh chấp đòi lại tài sản" cho đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện là không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tạm tính 82.353.825 đồng. Việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án chấp nhận.

[6] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, năm 2012 bà Lý Thị H1 làm chủ hụi, bà Phạm Thị Thu H tham gia 02 chân hụi tháng 5.000.000 đồng. Đến tháng 4 và tháng 5/2013 bà H hốt 02 chân hụi với tổng số tiền 118.070.000 đồng nhưng bà H1 không giao tiền hụi mà làm 02 "Tờ hẹn nợ" hứa trong tháng 5/2013 sẽ trả cho bà H nhưng đến hẹn bà H1 không trả. Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà H1, ông U trả số tiền nêu trên. Bà H1 không đồng ý trả số tiền nêu trên. Thấy rằng: Tại hai "Tờ hẹn nợ" bà H1 hứa vào ngày 4/5 2013 sẽ trả cho bà H 67.500.000 đồng và ngày 20/5/2013 trả cho bà H 50.570.000 đồng, tổng cộng là 118.070.000 đồng; theo Biên bản hòa giải cơ sở ngày 9/9/2013, bà H1 thừa nhận còn nợ bà H tiền bà H hốt hụi nhưng bà H1 chưa giao là 117.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả trong 6 tháng; tại Biên bản xác minh ngày 13/01/2022 của Tòa án thì ông Lâm Văn Th là hòa giải viên ấp K, xã M, huyện Kế Sách xác định việc bà H1 thừa nhận thiếu bà H số tiền nêu trên như trong biên bản hòa giải ngày 9/9/2013 là đúng, các bên tự ký tên vào biên bản. Vì vậy, các bên có tham gia chơi hụi với nhau, kết toán nợ và thừa nhận nợ như bà H trình bày là đúng thực tế.

[7] Đại diện bị đơn không thừa nhận nợ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà H1 trong 02 "Tờ hẹn nợ", yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án. Thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tài sản là số tiền 118.070.000 đồng theo 02 "Tờ hẹn nợ" là số tiền bà H1 thiếu bà H mà hai bên kết toán nợ với nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Tòa án không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Như đã phân tích ở mục [6] nên lời trình bày của đại diện bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Khi tham gia giao dịch các bên đều có

năng lực Hnh vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bên bà H1 là người có lỗi, không thực hiện nghĩa vụ trả tài sản cho bà H nên bà H1 phải có nghĩa vụ trả lại tài sản cho bà H theo quy định tại Điều 166, khoản 2 Điều 155, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Bà H1 và ông U là vợ chồng nên ông U cùng có trách nhiệm cùng với bà H1 trả nợ cho bà H đối với số tiền trên theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Vị Luật sư bảo vệ quyền lợi H1 pháp cho nguyên đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo như hai bên kết toán, thừa nhận nợ là đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định nêu trên.

[11] Về án phí: Bà H1 và ông U phải chịu án phí là 5.903.500 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 2 Điều 155, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H.

2/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H về việc yêu cầu bà Lý Thị H1 và ông Võ Văn U trả tiền lãi tạm tính từ ngày 9/9/2013 đến ngày 9/6/2021 với số tiền là 82.353.825 đồng.

3/. Buộc bà Lý Thị H1 và ông Võ Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thu H tổng số tiền là 118.070.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu không trăm bảy chục ngàn đồng*).

4/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lý Thị H1 và ông Võ Văn U phải chịu án phí là 5.903.500 đồng (*Năm triệu chín lẻ ba ngàn năm trăm đồng*).

Bà Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí. Bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 5.010.600, theo biên lai thu tiền số 009983, ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

6/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

7/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Viết Tâm